

Rearrange the words or phrases to make sentences.

1. More than twenty students.

xué shēng duō èr shí gè
学 生 多 二 十 个

2. He is in his fifties this year.

jīn nián suì duō tā wǔ shí
今 年 岁 多 他 五 十

3. I have been in Tallinn for over ten months.

tǎ lín lái wǒ yuē duō shí gè le
塔 林 来 我 月 多 十 个 了

Match.

yī () xiǎo gǒu
一 () 小 狗

bǎ
把

yī () yǐ zi
一 () 椅 子

gè
个

yī () shū
一 () 书

píng
瓶

yī () péng yǒu
一 () 朋 友

zhī
只

yī () shuǐ
一 () 水

wǎn
碗

yī () miàn tiáo
一 () 面 条

běn
本